TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81/2019/QĐST-HNGĐ	*Diễn Châu, ngày 19 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Võ Phan Tr, sinh năm 1984.
Nơi cư trú: Xóm 2, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.
2. Chị Nguyễn Kim D, sinh năm 1992.
Nơi cư trú: Xóm 2, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Phan Tr và chị Nguyễn Kim D kết hôn với nhau vào ngày 14/01/2019, hôn nhân hoàn toàn tự nguyên, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An. Như vậy, hôn nhân giữa anh Tr và chị D là hôn nhân hợp pháp.

[2] Về tình trạng hôn nhân: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù gia đình hai bên nội ngoại đã nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hòa giải viên Trung tâm hòa giải, đối

thoại tại Tòa án nhân dân huyện D đã kiên trì hòa giải vợ chồng không thống nhất đoàn tụ mà đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, thỏa thuận ly hôn của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần căn cứ các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Võ Phan Tr và chị Nguyễn Thị D.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Võ Phan Quỳnh A, sinh ngày 22/4/2010 và Võ Phan Quỳnh Ch, sinh ngày 01/10/2017. Sau ly hôn anh Tr và chị D thống nhất giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/02 con/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Không ai cản trở quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung: vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: vợ chồng thống nhất thỏa thuận anh Tr chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Phan Tr và chị Nguyễn Kim D.

- Về con chung: Giao 02 con chung Võ Phan Quỳnh A, sinh ngày 22/4/2010 và Võ Phan Quỳnh Ch, sinh ngày 01/10/2017 cho chị Nguyễn Kim D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Võ Phan Tr cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/02 con/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án: Anh Võ Phan Tr chịu 300.000 đồng Lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu số 0004677 ngày 12/6/2019. Anh đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND huyện D;*
- *Chi cục T.H.A dân sự huyện D;*
- *UBND xã DTh.*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự*

(Đã ký)

Lê Thị Hải Yến